

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực quản lý
đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ chuẩn hoá lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các nội dung công bố tại số thứ tự VII. 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 mục A phần I và nội dung cụ thể tương ứng của từng thủ tục hành chính này phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1343/QĐ-BNN-VP ngày 04/04/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các

cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ, Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu VT, ĐĐ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN
TẠI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan/ người có thẩm quyền quyết định
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG					
1	5.000047	Phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai	Quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai	Điều 14 Luật Phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủ tướng Chính phủ
2	5.000048	Cập nhật, điều chỉnh Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai kỳ 05 năm hoặc khi có biến động lớn về thiên tai	Quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai	Khoản 1, khoản 4 Điều 14 Luật Phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủ tướng Chính phủ
3	5.000049	Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia	Quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai	- Khoản 1, khoản 7 Điều 15 Luật Phòng, chống thiên tai; - Điểm c khoản 10 Điều 1 Luật phòng, chống thiên tai và đề điều sửa đổi 2020	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủ tướng Chính phủ
4	5.000050	Phê duyệt quy hoạch đê điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đê	Quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai	- Khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Luật Đê điều; - Khoản 6, 11 Điều 13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; - Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủ tướng Chính phủ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
				tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Điều 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 16 Nghị định số 53/2019/NĐ-CP;		
5	5.000051	Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề	Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	- Khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Luật Đề điều; - Khoản 6, 11 Điều 13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; - Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đấu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Điều 17, 18, 19 Nghị định số 53/2019/NĐ-CP;	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Thủ tướng Chính phủ
6	5.000052	Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề trong phạm vi cả nước	Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	- Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đấu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Khoản 1, 2 Điều 5; 6, 7, 8 Nghị định số 53/2019/NĐ-CP.	Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	5.000053	Phân cấp đề cho các tuyến đề trên địa bàn	Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	- Khoản 4 Điều 4 Luật Đề điều; - Điều 2 Nghị định số 113/2007/NĐ-CP; - Khoản 1, 2 Điều 11 Thông tư số	Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan/ người có thẩm quyền quyết định
				54/2013/TT-BNNPTNT; - Công văn số 620/TCTL ngày 27/6/2011 của Tổng cục Thủy lợi		
8	5.000054	Điều chỉnh phân cấp đề cho các tuyến đề trên địa bàn	Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	- Khoản 4 Điều 4 Luật Đề điều; - Điều 2 Nghị định số 113/2007/NĐ-CP; - Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT; - Công văn số 620/TCTL ngày 27/6/2011 của Tổng cục Thủy lợi.	Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9	5.000055	Chấp thuận các hoạt động liên quan đến đề điều	Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	- Khoản 2 Điều 25 Luật Đề điều; - Khoản 3 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đề điều - Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT	Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
10		Lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đề điều từ nguồn ngân sách trung ương ¹	Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	Điều 3 Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT	Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Cục Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai
11		Thực hiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đề điều từ nguồn ngân sách trung ương ²	Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	Điều 4 Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT	Cục Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai	Cục Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai
12		Xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố	Quản lý đề điều và	- Điều 12, Điều 13 Nghị định số	Cục Quản lý đề điều	Cục Quản lý đề điều

¹ TTHC nội bộ công bố mới theo Điều 3 Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT

² TTHC nội bộ công bố mới theo Điều 4 Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
		đề điều từ nguồn ngân sách trung ương ³	phòng, chống thiên tai	66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ; - Điều 5 Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT	và phòng, chống thiên tai	và phòng, chống thiên tai

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: **Phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương xây dựng Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai.

- Bước 2: Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Dự thảo Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

- Cơ quan/người có thẩm quyền: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội về Phòng chống thiên tai.

³ TTHC nội bộ công bố mới theo Điều 5 Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT

2. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cập nhật, điều chỉnh Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai kỳ 05 năm hoặc khi có biến động lớn về thiên tai

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương cập nhật, điều chỉnh Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai.

- Bước 2: Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Dự thảo Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

- Cơ quan/người có thẩm quyền: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội về Phòng chống thiên tai.

3. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia.

- Bước 2: Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

Dự thảo Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia, gồm:

+ Đánh giá, cập nhật hằng năm về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội, tình hình phát triển của các ngành kinh tế và cơ sở hạ tầng trên quy mô toàn quốc;

+ Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động phát triển của các ngành, địa phương trong phạm vi cả nước;

+ Xác định nội dung, biện pháp tổng thể, chương trình, đề án, dự án phòng, chống thiên tai phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, chú ý khu vực nguy hiểm và đối tượng dễ bị tổn thương, trong đó tập trung xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông; kế hoạch phòng, chống bão mạnh, siêu bão; kế hoạch phòng, chống lũ quét, sạt lở đất; kế hoạch phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn; kế hoạch phòng, chống sạt lở bờ sông do mưa lũ hoặc dòng chảy, sạt lở bờ biển;

+ Xác định nội dung phòng, chống thiên tai cần lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước;

+ Xác định nguồn lực và tiến độ hằng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai;

+ Xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai trong phạm vi cả nước.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

- Cơ quan/người có thẩm quyền: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội về Phòng chống thiên tai;

- Luật số 60/2020/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

4. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Phê duyệt quy hoạch đê điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đê

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn thẩm tra quy hoạch; xây dựng quy hoạch

Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

- Bước 2: Gửi lấy ý kiến

Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Công Thương và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch; cơ quan, tổ chức, cá nhân

bằng hình thức đăng tải dự thảo quy hoạch trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch (trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật) trong thời gian ít nhất 30 ngày tính từ ngày đăng tải hồ sơ lấy ý kiến.

Trường hợp phương án quy hoạch có liên quan tới biên giới, hải đảo, quốc phòng, an ninh, *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.

- Bước 3: Trả lời ý kiến

Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch

- Bước 4: Giải trình, tiếp thu ý kiến

Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến trước khi trình thẩm định quy hoạch.

- Bước 5: Thành lập Hội đồng thẩm định

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 53/2019/NĐ-CP:

(i) Hội đồng thẩm định quy hoạch có ít nhất 11 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*;

- Phó Chủ tịch hội đồng;

- Các thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Công thương, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch, đại diện cơ quan lập quy hoạch và một số cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các chuyên gia về quy hoạch, trong đó có 02 thành viên là ủy viên phản biện.

(ii) Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng thẩm định

- Chủ tịch hội đồng chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng thẩm định; tổ chức, điều hành các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thẩm định; báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch;

- Ủy viên phản biện có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến phản biện bằng văn bản gửi cho Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định trước khi họp Hội đồng thẩm định;

- Thành viên Hội đồng thẩm định tham dự cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến bằng văn bản tại các cuộc họp của Hội đồng thẩm định về lĩnh vực chuyên môn và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch hội đồng giao; được quyền bảo lưu ý kiến.

(iii) Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, cung cấp hồ sơ trình thẩm định quy hoạch cho các thành viên của Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến; tổ chức họp Hội đồng thẩm định theo yêu cầu của Chủ tịch hội đồng thẩm định; dự thảo biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định, dự thảo Báo cáo thẩm định quy hoạch.

- Bước 6. Thẩm định quy hoạch

Cơ quan lập quy hoạch gửi hồ sơ thẩm định quy hoạch đến Hội đồng thẩm định thông qua Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để gửi đến các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định quy hoạch các ủy viên phản biện phải gửi ý kiến bằng văn bản tới Hội đồng thẩm định thông qua Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để tổ chức họp.

Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan về nội dung quy hoạch bằng tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề và tổng hợp ý kiến báo cáo Hội đồng thẩm định quy hoạch; Hội đồng thẩm định quy hoạch có quyền yêu cầu cơ quan trình thẩm định quy hoạch cung cấp thêm thông tin và giải trình về các nội dung có liên quan.

- Bước 7. Hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng thẩm định họp, Hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch.

- Bước 8. Hoàn thiện hồ sơ

Trường hợp quy hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, báo cáo *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

Trường hợp quy hoạch không được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, báo cáo *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

- Bước 9: Phê duyệt quy hoạch

Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

- Bước 10: Công bố quy hoạch

Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* tổ chức công bố quy hoạch. Hình thức công bố quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện:

- Lấy ý kiến quy hoạch: Đăng tải trên trang thông tin điện tử của *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

(i) Hồ sơ gửi lấy ý kiến về quy hoạch:

- Báo cáo quy hoạch;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch đề điều;
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện phương án quy hoạch.

(ii) Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch:

- Báo cáo tóm tắt; báo cáo tổng hợp quy hoạch; hệ thống bản đồ quy hoạch.

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch đề điều.
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.

- Báo cáo thẩm tra của tổ chức tư vấn thẩm tra.

- Tài liệu khác (nếu có).

(iii) *Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch:*

- Tờ trình phê duyệt quy hoạch.
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch, nội dung chủ yếu gồm: Thời kỳ quy hoạch, phạm vi quy hoạch, quan điểm, mục tiêu, giải pháp quy hoạch, kinh phí thực hiện quy hoạch và tổ chức thực hiện.

- Báo cáo thẩm định quy hoạch.

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định về nội dung quy hoạch.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh trong phạm vi quy hoạch; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch.

- Báo cáo thuyết minh quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện.

- Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ về quy hoạch.

d) *Thời hạn giải quyết:*

- Các cơ quan trả lời ý kiến của *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*: 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch;

- Các Ủy viên phản biện gửi ý kiến bằng văn bản tới Hội đồng thẩm định thông qua Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để tổ chức họp: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định quy hoạch;

- Hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch.

- Hoàn thiện hồ sơ:

- + Trường hợp quy hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, báo cáo *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường*;

- + Trường hợp quy hoạch không được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, báo cáo *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

- Công bố, công khai quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: 15 ngày kể từ ngày quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt.

đ) *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:
 - Cơ quan thực hiện: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.
 - Cơ quan/người có thẩm quyền: Thủ tướng Chính phủ
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt quy hoạch đề điều; phòng chống lũ của tuyến sông có đề.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - Luật Đề điều ngày 29/11/2006;
 - Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
 - Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

5. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề

- a) Trình tự thực hiện:
 - (i) *Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch:*
 - Bước 1: Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn thẩm tra quy hoạch; xây dựng quy hoạch.
 - Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch và tổ chức tư vấn thẩm tra quy hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.
 - Bước 2: Gửi lấy ý kiến
 - Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Công thương và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch; cơ quan, tổ chức, cá nhân bằng hình thức đăng tải dự thảo quy hoạch trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch (trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật) trong thời gian ít nhất 30 ngày tính từ ngày đăng tải hồ sơ lấy ý kiến.*
 - Trường hợp phương án quy hoạch có liên quan tới biên giới, hải đảo, quốc phòng, an ninh, *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.
 - Bước 3: Trả lời ý kiến
 - Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

- Bước 4: Giải trình, tiếp thu ý kiến

Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến trước khi trình thẩm định quy hoạch.

- Bước 5: Thành lập Hội đồng thẩm định

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 53/2019/NĐ-CP:

Hội đồng thẩm định quy hoạch có ít nhất 11 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*;

- Phó Chủ tịch hội đồng;

- *Các thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Công Thương*, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch, đại diện cơ quan lập quy hoạch và một số cơ quan trực thuộc *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*, các chuyên gia về quy hoạch, trong đó có 02 thành viên là ủy viên phản biện.

Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng thẩm định:

- Chủ tịch hội đồng chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng thẩm định; tổ chức, điều hành các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng thẩm định; báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch;

- Ủy viên phản biện có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến phản biện bằng văn bản gửi cho Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định trước khi họp Hội đồng thẩm định;

- Thành viên Hội đồng thẩm định tham dự cuộc họp của Hội đồng thẩm định; nghiên cứu hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; chuẩn bị ý kiến bằng văn bản tại các cuộc họp của Hội đồng thẩm định về lĩnh vực chuyên môn và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch hội đồng giao; được quyền bảo lưu ý kiến.

Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, cung cấp hồ sơ trình thẩm định quy hoạch cho các thành viên của Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến; tổ chức họp Hội đồng thẩm định theo yêu cầu của Chủ tịch hội đồng thẩm định; dự thảo biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định, dự thảo Báo cáo thẩm định quy hoạch.

- Bước 6. Thẩm định quy hoạch

Cơ quan lập quy hoạch gửi hồ sơ thẩm định quy hoạch đến Hội đồng thẩm định thông qua Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để gửi đến các thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định quy hoạch các ủy viên phản biện phải gửi ý kiến bằng văn bản tới Hội đồng thẩm định thông qua Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để tổ chức họp.

Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan về nội dung quy hoạch bằng tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm chuyên đề và tổng hợp ý kiến báo cáo Hội đồng thẩm định quy hoạch; Hội đồng thẩm định quy hoạch có quyền yêu cầu

cơ quan trình thẩm định quy hoạch cung cấp thêm thông tin và giải trình về các nội dung có liên quan.

- Bước 7. Hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch.

- Bước 8. Hoàn thiện hồ sơ

Trường hợp quy hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, báo cáo *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

Trường hợp quy hoạch không được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, báo cáo *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

- Bước 9: Phê duyệt quy hoạch

Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

- Bước 10: Công bố quy hoạch

Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt, *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* tổ chức công bố điều chỉnh quy hoạch đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề. Hình thức công bố quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

(ii) *Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, không làm thay đổi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (nếu có) của quy hoạch đã được phê duyệt:*

- Bước 1: Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quy hoạch lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh gửi *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

- Bước 2: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Bước 3: Công bố quy hoạch

Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt, *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* tổ chức công bố điều chỉnh quy hoạch đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề. Hình thức công bố quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện:

- Lấy ý kiến quy hoạch: Đăng tải trên trang thông tin điện tử của *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

(i) *Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch:*

* Hồ sơ gửi lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch:

- Báo cáo quy hoạch;

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch đề điều;

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện phương án quy hoạch.
- * Hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh quy hoạch đối với quy hoạch đề điều:
 - Báo cáo tóm tắt; báo cáo tổng hợp quy hoạch; hệ thống bản đồ quy hoạch;
 - Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
 - Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về điều chỉnh quy hoạch;
 - Báo cáo thẩm tra của tổ chức tư vấn thẩm tra.
- * Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch:
 - Tờ trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch;
 - Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, nội dung chủ yếu gồm: Thời kỳ quy hoạch, phạm vi quy hoạch, quan điểm, mục tiêu, giải pháp quy hoạch, kinh phí thực hiện quy hoạch và tổ chức thực hiện;
 - Báo cáo thẩm định điều chỉnh quy hoạch;
 - Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định về nội dung điều chỉnh quy hoạch;
 - Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về điều chỉnh quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh trong phạm vi quy hoạch; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về quy hoạch;
 - Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch đã chỉnh lý, hoàn thiện;
 - Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch đề điều;
 - Hệ thống sơ đồ, bản đồ về quy hoạch.
- (ii) Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, không làm thay đổi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (nếu có) của quy hoạch đã được phê duyệt:*
 - Văn bản đề nghị điều chỉnh quy hoạch;
 - Báo cáo thuyết minh điều chỉnh và tài liệu khác (nếu có).
- d) Thời hạn giải quyết:
 - (i) Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch:*
 - Các cơ quan trả lời ý kiến của *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*: 30 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về điều chỉnh quy hoạch;
 - Các Ủy viên phản biện gửi ý kiến bằng văn bản tới Hội đồng thẩm định thông qua Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định để tổ chức họp: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định quy hoạch;
 - Hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh quy hoạch: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch;
 - Hoàn thiện hồ sơ:
 - + Trường hợp quy hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả

thẩm định điều chỉnh quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, báo cáo *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường*;

+ Trường hợp điều chỉnh quy hoạch không được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, báo cáo *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

- Công bố, công khai điều chỉnh quy hoạch: 15 ngày kể từ ngày điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt.

(ii) *Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, không làm thay đổi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (nếu có) của quy hoạch đã được phê duyệt:*

- Công bố, công khai điều chỉnh quy hoạch: 15 ngày kể từ ngày điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

(i) *Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch:* Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(ii) *Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, không làm thay đổi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (nếu có) của quy hoạch đã được phê duyệt:* Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị điều chỉnh, *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

- Cơ quan/người có thẩm quyền: Thủ tướng Chính phủ

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 29/11/2006;

- Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

6. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề trong phạm vi cả nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Giao nhiệm vụ lập quy hoạch

Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ lập quy hoạch cho cơ quan lập quy hoạch.

- Bước 2: Trình thẩm định

Cơ quan lập quy hoạch tổ chức xây dựng hoặc thuê tư vấn lập nhiệm vụ lập quy hoạch, trình *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường* tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Bước 3: Thành lập Hội đồng thẩm định

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch trong thời hạn không quá 30 ngày khi có đủ hồ sơ thẩm định.

Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch có ít nhất 09 thành viên, thành phần hội đồng gồm Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng và các thành viên của hội đồng; Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*, các thành viên Hội đồng là đại diện *Bộ Tài chính*, cơ quan chuyên môn trực thuộc *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*, chuyên gia về quy hoạch.

- Bước 4: Hoàn thiện biên bản

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng thẩm định họp, hội đồng có trách nhiệm hoàn thiện biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Bước 5: Trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện hồ sơ, trình *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường* phê duyệt.

Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch;
- Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch;
- Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch;
- Thời hạn lập quy hoạch;
- Quy định về thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch;
- Chi phí lập quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm:

(i) *Hồ sơ thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch* gồm:

- Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Tài liệu khác (nếu có).

(ii) *Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch*:

- Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định của *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường* phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch kèm theo nhiệm vụ lập quy hoạch;

- Biên bản họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch;
- Tài liệu khác (nếu có).
- d) Thời hạn giải quyết: 55 ngày kể từ ngày có đủ hồ sơ thẩm định.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan lập quy hoạch.
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:
 - Cơ quan thực hiện: Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai.
 - Cơ quan/người có thẩm quyền: *Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường*
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề trong phạm vi cả nước.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
 - Luật Đề điều ngày 29/11/2006;
 - Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
 - Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

7. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Phân cấp đề cho các tuyến đề trên địa bàn

- a) Trình tự thực hiện:
 - Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phân cấp đề cho các tuyến đề trên địa bàn theo quy định.
 - Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* quyết định theo ủy quyền của Chính phủ.
- b) Cách thức thực hiện: Không quy định.
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*, kèm theo phụ lục chi tiết từng tuyến đề và các tiêu chí theo hướng dẫn phân cấp đề đi kèm;
 - Văn bản của *Sở Nông nghiệp và Môi trường* báo cáo thuyết minh trong quá trình và cách thức thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị cấp đề;
 - Bản đồ đề điều hoặc bình đồ địa hình trong đó thể hiện rõ các tuyến đề đề nghị phân cấp;
 - Hồ sơ kèm theo khác (nếu có).
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: *Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai*
- Cơ quan/người có thẩm quyền: Chính phủ
- Cơ quan được ủy quyền: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phân cấp đê.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đê điều ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;
- Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn phân cấp đê và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê;
- Công văn số 620/TCTL ngày 27/6/2011 của Tổng cục Thủy lợi về việc hướng dẫn hồ sơ đề nghị phân cấp đê.

8. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Điều chỉnh phân cấp đê cho các tuyến đê trên địa bàn

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* phân cấp, hàng năm rà soát theo các tiêu chí quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 9 Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* quyết định điều chỉnh cấp đê nếu không phù hợp theo các tiêu chí rà soát hàng năm.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*, kèm theo phụ lục chi tiết từng tuyến đê và các tiêu chí theo hướng dẫn phân cấp đê đi kèm;

- Văn bản của *Sở Nông nghiệp và Môi trường* báo cáo thuyết minh trong quá trình và cách thức thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị cấp đê;

- Bản đồ đê điều hoặc bình đồ địa hình trong đó thể hiện rõ các tuyến đê đề nghị phân cấp;

- Hồ sơ kèm theo khác (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: *Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai*
- Cơ quan/người có thẩm quyền: Chính phủ
- Cơ quan được ủy quyền: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chỉnh phân cấp đê.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đê điều ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

- Thông tư số 54/2013/TT-BNNPTNT ngày 17/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn phân cấp đê và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê

- Công văn số 620/TCTL ngày 27/6/2011 của Tổng cục Thủy lợi về việc hướng dẫn hồ sơ đề nghị phân cấp đê.

9. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Chấp thuận các hoạt động liên quan đến đê điều

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận đến *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*.

- Bước 2: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị chấp thuận.

Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu xét thấy công trình có ảnh hưởng đến an toàn đê điều và thoát lũ, tùy theo từng trường hợp cụ thể, *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* có thể gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung thêm các tài liệu để phục vụ cho quá trình xem xét, chấp thuận bao gồm: văn bản thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về sự ảnh hưởng của công trình đến an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông (sự giảm lưu lượng lũ thiết kế; tăng mực nước lũ thiết kế; ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu; ổn định lòng dẫn; ổn định thân đê, nền đê khu vực xây dựng công trình); ý kiến bằng văn bản của các cơ quan chức năng liên quan; tài liệu khảo sát địa hình, địa chất phục vụ cho việc kiểm tra, tính toán.

Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định hoặc cần bổ sung tài liệu quy định để phục vụ cho quá trình xem xét, chấp thuận, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* có thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, *Bộ Nông nghiệp và Môi trường* xem xét có ý kiến chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận, có văn bản thông báo, nêu rõ lý do việc không chấp thuận và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 02 bộ, cụ thể:

- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Ý kiến bằng văn bản của *Sở Nông nghiệp và Môi trường* trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Hồ sơ kỹ thuật công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thuyết minh và Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt cắt đại diện, trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến đề điều, thoát lũ khi xây dựng công trình;

- Văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện dự án (nếu có);
- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: *Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai*.

- Cơ quan/người có thẩm quyền: *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Nội dung xem xét chấp thuận bao gồm:

- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về đề điều;
- Sự phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề, quy hoạch đề điều; phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đề, phương án phát triển hệ thống đề điều trong quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Việc bảo đảm an toàn đề điều, thoát lũ khi xây dựng công trình;

- Giải pháp phòng, chống lũ trong quá trình thi công và đảm bảo an toàn cho đề trong quá trình quản lý, sử dụng công trình;

- Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên đề trong quá trình thi công;

- Các vấn đề liên quan khác (nếu có).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đề điều ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đề điều ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Thông tư số 04/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn thực hiện việc chấp thuận, thẩm định các hoạt động liên quan đến đê điều.

10. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều từ nguồn ngân sách trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều (căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT) trước ngày 15/6 hàng năm, gửi Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai để kiểm tra, tổng hợp.

- Bước 2: Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổng hợp, xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 05/7 để gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, kèm theo Bảng tổng hợp kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo kế hoạch bao gồm: Thuyết minh đánh giá hiện trạng đê điều (kèm theo hình ảnh nếu có), sự cần thiết thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều, đề xuất (dự kiến) giải pháp kỹ thuật, sơ bộ khi lượng thực hiện chính và kinh phí thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều của từng hạng mục, tuyến đê; bản vẽ mặt cắt đại diện.

d) Thời hạn giải quyết: Trước ngày 05/7 hàng năm .

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố có đê từ cấp III đến cấp đặc biệt.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai.

- Cơ quan/người có thẩm quyền: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản tổng hợp kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều của các địa phương từ nguồn ngân sách trung ương

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn quy trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều.

11. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thực hiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều từ nguồn ngân sách trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Căn cứ tổng kinh phí chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều do Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân bổ, hiện trạng đê điều và đặc thù của từng địa phương, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai phê duyệt:

+ Kinh phí cho kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều của các địa phương do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện;

+ Tổng kinh phí xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều;

- Bước 2: Căn cứ vào kinh phí được phê duyệt, hiện trạng đê điều, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đơn giá, định mức và các quy định hiện hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lập dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật (đối với các nội dung có cấu phần xây dựng) hoặc lập đề cương - dự toán (đối với các nội dung không có cấu phần xây dựng)

- Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thẩm định, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc đề cương - dự toán.

- Bước 4: Sau khi dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc đề cương - dự toán được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai phê duyệt và tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, đấu thầu.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo quy định của pháp luật về xây dựng, đấu thầu.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố có đê từ cấp III đến cấp đặc biệt.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện: Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai.

- Cơ quan/người có thẩm quyền: Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đê điều từ nguồn ngân sách trung ương; Quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông báo kết quả thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn quy trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều.

12. TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố ô nhiễm từ nguồn ngân sách trung ương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi phát hiện sự cố ô nhiễm, cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ô nhiễm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra cụ thể vị trí xảy ra sự cố và báo cáo bằng văn bản, đề xuất giải pháp xử lý.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra sự cố, báo cáo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn ô nhiễm. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Ô nhiễm để tổ chức xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố ô nhiễm.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường qua Cục Quản lý ô nhiễm và Phòng, chống thiên tai.

- Bước 4: Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Quản lý ô nhiễm và Phòng, chống thiên tai kiểm tra thực địa và có ý kiến bằng văn bản về chủ trương xử lý và nguồn kinh phí xử lý sự cố.

- Bước 5: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của Cục Quản lý ô nhiễm và Phòng, chống thiên tai về chủ trương và nguồn kinh phí xử lý sự cố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lập phương án (dự án) xử lý khẩn cấp (cấp bách).

- Bước 6: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Cục Quản lý ô nhiễm và Phòng, chống thiên tai thẩm định, phê duyệt phương án.

- Bước 7: Tổ chức thực hiện dự án khẩn cấp (cấp bách) xử lý sự cố ô nhiễm được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.

Trường hợp phát hiện sự cố ô nhiễm trong khi đang có bão, lũ phải sửa chữa ngay để bảo đảm an toàn hệ thống ô nhiễm, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai các biện pháp ứng cứu kịp thời, sau đó hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Cục Quản lý ô nhiễm và Phòng, chống thiên tai xét duyệt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần, hồ sơ bước 3:

- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý ô nhiễm và Phòng, chống thiên tai) về việc đề nghị xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố từ nguồn kinh phí xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố ô nhiễm do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

- Văn bản báo cáo tình hình sự cố, đề xuất phương án xử lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ô nhiễm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Thuyết minh về sự cố và đề xuất, kiến nghị:

- + Đánh giá hiện trạng đề điều khu vực sự cố.
- + Diễn biến sự cố gồm các nội dung: thời điểm phát hiện, xảy ra sự cố; mô tả sự cố (loại sự cố, vị trí, cấp độ, quy mô, kích thước, hiện trạng khu vực, ...); diễn biến sự cố (bao gồm cả hình ảnh), đánh giá sơ bộ nguyên nhân; công tác chỉ đạo; biện pháp xử lý (giờ đầu và tiếp theo); kết quả xử lý giờ đầu.
- + Đề xuất giải pháp xử lý sự cố (thể hiện trên bản vẽ mặt cắt ngang đại diện).
- + Dự kiến khi lượng chủ yếu và kinh phí thực hiện.
- + Kiến nghị.

(2) Thành phần, hồ sơ bước 6:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án (dự án) của Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai.
 - Văn bản về chủ trương và nguồn vốn xử lý sự cố của Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai.
 - Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cam kết bố trí nguồn vốn địa phương (nếu có).
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh phương án (dự án); thiết kế (gồm bản vẽ và thuyết minh thiết kế); danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
 - Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng, chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập dự toán, chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra (nếu có).
 - Tổng kinh phí; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng kinh phí; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).
 - Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:
- Cơ quan thực hiện: Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai
 - Cơ quan/người có thẩm quyền: Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản về chủ trương xử lý và nguồn kinh phí xử lý sự cố; Quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật sự cố xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đề điều từ nguồn ngân sách trung ương; Thông báo kết quả thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

- Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn quy trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều./.